

Thực trạng tham gia hoạt động thể thao giải trí của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp

ThS. Nguyễn Quang San ■

TÓM TẮT:

Từ đặc điểm đào tạo của trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN), bằng phương pháp điều tra, khảo sát thực tế, kết quả nghiên cứu về thực trạng tham gia hoạt động thể thao giải trí (TTGT) của sinh viên (SV) gồm: thời gian dành cho hoạt động giải trí (HĐGT) trong ngày; sở thích, thời gian, hình thức tham gia, hình thức tổ chức hoạt động TTGT... là cơ sở cho nghiên cứu đổi mới hoạt động thể thao ngoại khóa thông qua việc xây dựng các câu lạc bộ (CLB) thể thao giải trí, nhằm thu hút nhiều SV tham gia tập luyện, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa cho SV trường ĐHLN.

Từ khóa: thực trạng, tham gia hoạt động, thể thao giải trí, sinh viên, Đại học Lâm nghiệp.

ABSTRACT:

From the training characteristics of the Vietnam National University of Forestry, by investigation and actual survey method, results on the current status of participation in recreation sports activities of students including: Time for leisure activities per day, hobbies, time, forms of participation, organizational operation forms of recreation sports... are the basis for studying extracurricular sports activities by building recreational sport clubs, aimed to attract more students to join and contribute to improve the quality and effectiveness of extracurricular sport activities for students of the Vietnam National University of Forestry.

Keywords: status, participation, recreation sports, student, Vietnam National University of Forestry.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện những yêu cầu đổi mới về công tác giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trong nhà trường, trong những năm qua trường ĐHLN đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo chính khóa cũng như phong trào thể thao ngoại khóa trong SV. Tuy nhiên các hoạt động thể thao ngoại khóa hiện nay chủ yếu mang tính tự phát thông qua các nhóm SV, gồm những người có cùng chung sở thích tập hợp lại thành nhóm để cùng tập luyện, rèn luyện sức khỏe và giải trí; các nhóm này chưa có quy chế hoạt động, người hướng dẫn nên hiệu quả tập luyện còn hạn chế, chất lượng chuyên môn chưa cao. Với đặc điểm giảng dạy và học tập tại trường ĐHLN và các ngành nghề truyền thống tương đối đặc thù, việc nghiên cứu thực trạng về đặc điểm và nhu cầu tham gia TTGT của SV trường ĐHLN là cơ sở cho xây dựng nội dung hoạt động câu lạc bộ thể thao giải trí cho SV trường ĐHLN, đáp ứng được nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa và khả năng thu hút người tập luyện TDTT thường xuyên. Chính vì lý do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: “**Thực trạng tham gia hoạt động thể thao giải trí của sinh viên trường ĐHLN**”.

Các phương pháp được sử dụng trong quá trình

nghiên cứu gồm: tổng hợp và phân tích tài liệu, điều tra xã hội học và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian dành cho HĐGT trong ngày của SV trường ĐHLN

Ngoài thời gian học, SV ĐHLN dành thời gian tham gia các HĐGT, thư giãn, giúp giảm tải về áp lực học tập. Kết quả khảo sát 2610 SV về quỹ thời gian dành cho HĐGT của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 1.

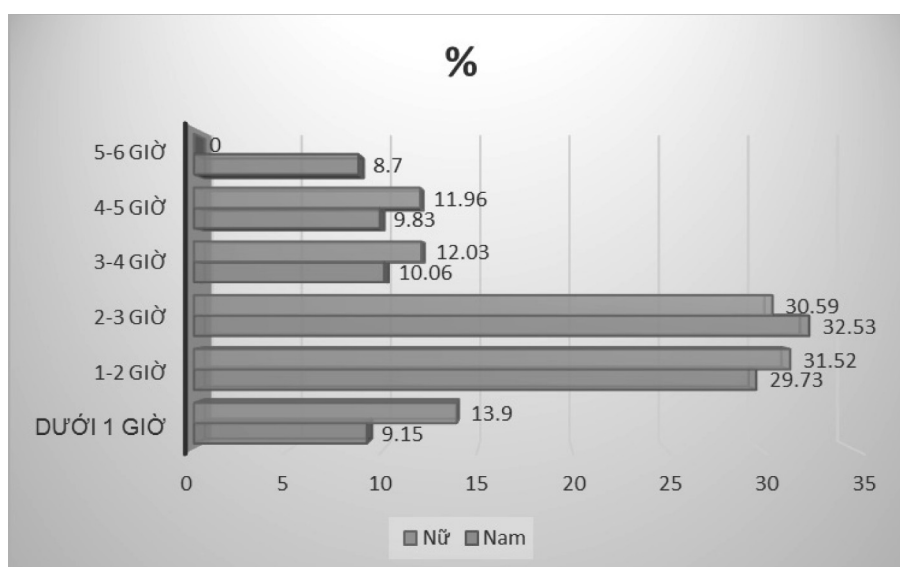
Qua bảng 1 cho thấy quỹ thời gian dành cho các HĐGT của SV từ 1 đến 3 giờ/ ngày chiếm trên 60%. Về giới tính, thời gian dành cho các HĐGT trong ngày của nam và nữ, lần lượt: dưới 1 giờ/ngày, nam chiếm 9.13%, nữ 13.90%; 1 đến 2 giờ/ngày, nam chiếm 30.61% nữ 31.52%; 2 đến 3 giờ / ngày nam chiếm 31.57% và nữ 30.59%. Thời gian dành cho HĐGT trong ngày của nam và nữ được minh họa ở biểu đồ 1.

2.2. Sở thích tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN

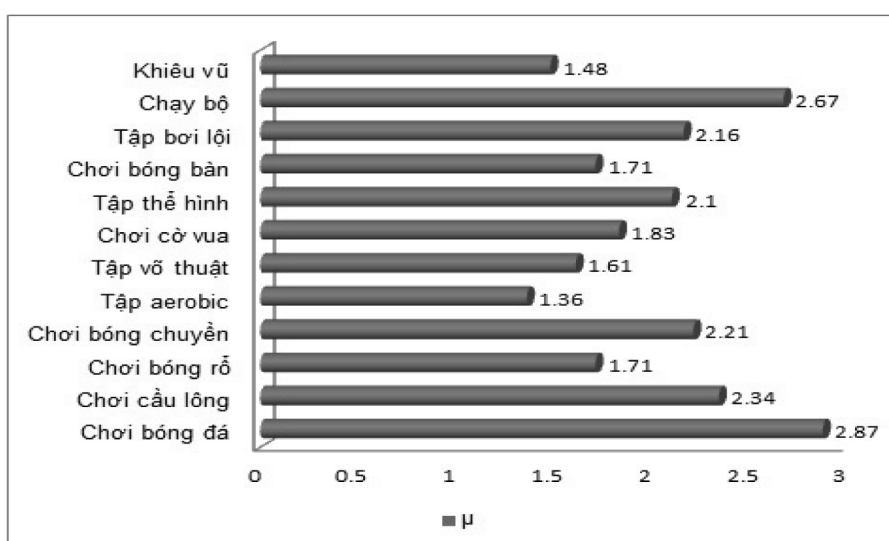
Kết quả khảo sát 2610 SV về nội dung tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN được trình bày biểu đồ 2 và 3.

Bảng 1. Thời gian dành cho các HĐGT trong ngày của SV trường ĐHLN

Đối tượng Thời gian giải trí		Tổng thể (n = 2610)		SV nam (n = 1322)		SV nữ (n = 1288)		So sánh	
		n	%	n	%	n	%	χ^2	p
Dưới 1 giờ		300	11.49	121	9.15	179	13.90	131.29	< 0.001
1 - 2 giờ		799	30.61	393	29.73	406	31.52		
2 - 3 giờ		824	31.57	430	32.53	394	30.59		
3 - 4 giờ		288	11.03	133	10.06	155	12.03		
4 - 5 giờ		284	10.88	130	9.83	154	11.96		
5 - 6 giờ		115	4.41	115	8.70	0	0.00		
So sánh	χ^2	1031.84		501.62		574.67			
	P	< 0.001		< 0.001		< 0.001			

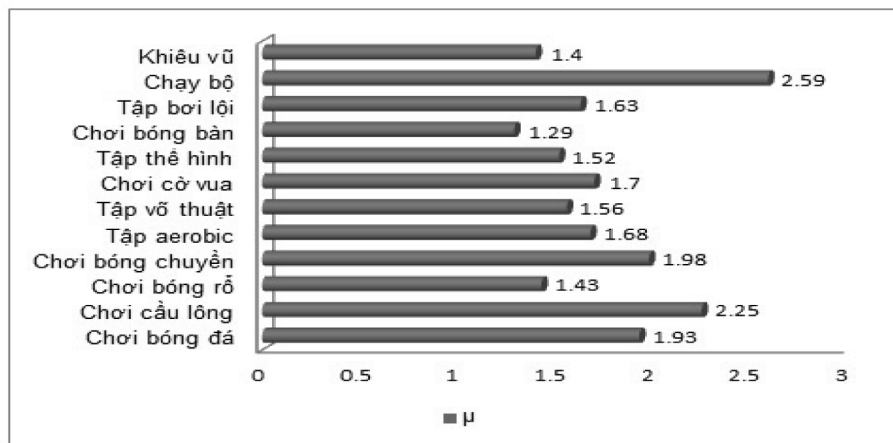


Biểu đồ 1. Thời gian dành cho HĐGT trong ngày của SV trường ĐHLN



μ = 1: không bao giờ μ = 2: hiếm khi μ = 3: thỉnh thoảng
μ = 4: thường xuyên μ = 5: luôn luôn

Biểu đồ 2. Sở thích tập luyện TTGT của nam SV trường ĐHLN



μ = 1: không bao giờ

μ = 2: hiếm khi

μ = 3: thỉnh thoảng

μ = 4: thường xuyên

μ = 5: luôn luôn

Biểu đồ 3. Sở thích tập luyện TTGT của nữ SV trường ĐHLN

Bảng 2. Thời gian tham gia HĐGT của SV trường ĐHLN

Đối tượng Nội dung		Tổng thể (n = 2610)		Nam (n = 1322)		Nữ (n = 1288)		So sánh	
		n	%	n	%	n	%	χ^2	p
Trước 7 giờ		129	4.94	65	4.92	64	4.97	45.84	< 0.001
7 giờ - 9 giờ		141	5.40	48	3.63	93	7.22		
9 giờ - 11 giờ		164	6.28	91	6.88	73	5.67		
13 giờ - 15 giờ		110	4.21	60	4.54	50	3.88		
15 giờ - 17 giờ		332	12.72	210	15.89	122	9.47		
17 giờ - 19 giờ		1075	41.19	548	41.45	527	40.92		
19 giờ - 21 giờ		659	25.25	300	22.69	359	27.87		
So sánh	χ^2	2152.27		1075.65		1114.54			
	P	< 0.001		< 0.001		< 0.001			

Biểu đồ 3. Sở thích tập luyện TTGT của nữ SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát cho thấy sở thích tập luyện các môn TTGT của SV trường ĐHLN chỉ đạt được mức độ hiếm khi đến thỉnh thoảng. Nhìn chung nội dung tập luyện TTGT là đa dạng, phù hợp với sở thích, giới tính của SV.

2.3. Thời gian tham gia hoạt động TTGT của SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát thời gian thích hợp dành cho HĐGT của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy, thời gian thích hợp mà SV dành cho hoạt động TTGT nhiều nhất là từ 17h đến 19h (41.19%) và từ 19 đến 21h (25.25%). Về giới tính, thời gian tham gia hoạt động TTGT của nam và nữ trong ngày có sự khác biệt nhau ($X^2_{tính} > X^2_{bảng}$ với $p < 0.001$).

2.4. Hình thức tham gia hoạt động TTGT của SV trường ĐHLN

Hình thức tham gia hoạt động TTGT của SV trường

ĐHLN được trình bày biểu đồ 3 và 4.

Qua biểu đồ 3 và 4 cho thấy hình thức tham gia hoạt động TTGT của SV trường ĐHLN chỉ ở mức hiếm khi đến thỉnh thoảng, chủ yếu là các hình thức tự tập luyện, thể dục buổi sáng, tập luyện theo nhóm lớp và tập luyện tại các CLB ở ngoài trường.

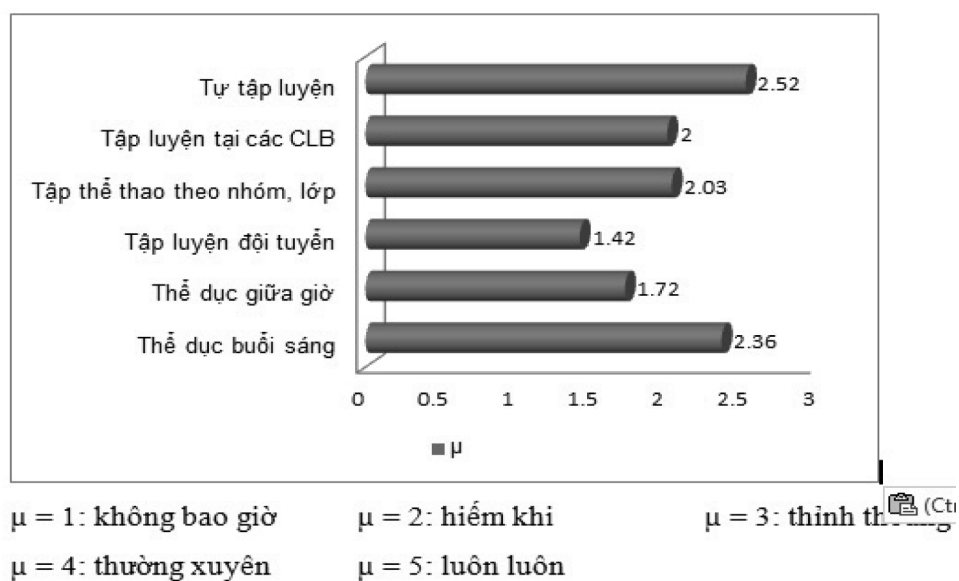
2.5. Hình thức tổ chức hoạt động TTGT của SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát thực trạng hình thức tổ chức hoạt động TTGT ngoại khóa của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 3.

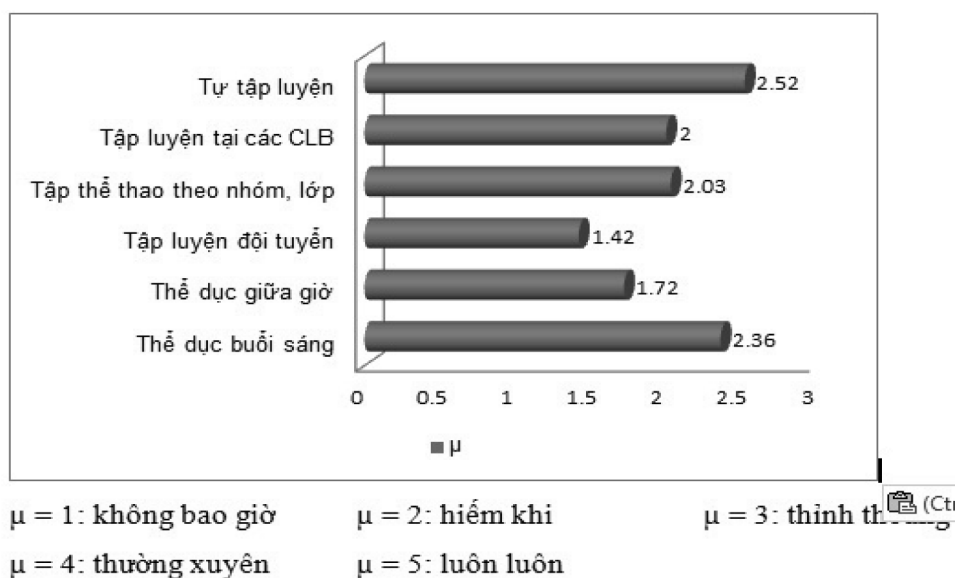
Qua bảng 3 cho thấy hình thức tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho SV trường ĐHLN chủ yếu là các hoạt động tự tập với tỷ lệ 55.1% đối với nam và 40.2% đối với nữ; kết hợp cả hai hình thức vừa tự tập luyện vừa có người hướng dẫn đối với nam là 29.3% nữ là 41.9%.

2.6. Số buổi tham gia tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát về số buổi tham gia tập luyện



Biểu đồ 4. Hình thức tham gia tập luyện TTGT của nam SV trường DHLN



Biểu đồ 5. Hình thức tham gia tập luyện TTGT của nam SV trường DHLN

Bảng 3. Hình thức tổ chức hoạt động TTGT của SV trường DHLN

Đối tượng \ Nội dung		Tổng thể (n = 2610)		SV nam (n = 1322)		SV nữ (n = 1288)		So sánh	
		n	%	n	%	n	%	χ^2	p
Có người hướng dẫn		435	16.67	205	15.51	230	17.86	61.60	< 0.001
Tự tập luyện		1247	47.78	729	55.14	518	40.22		
Kết hợp cả hai		928	35.56	388	29.35	540	41.93		
So sánh	χ^2	384.73		320.99		139.39			
	p	< 0.001		< 0.001		< 0.001			

TTGT của SV trường DHLN được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy SV tham gia tập luyện TTGT với số lượng 1 buổi/tuần chiếm tỷ lệ cao 36.40%, tỷ

lệ tập luyện 2 và 3 buổi/tuần lần lượt là 12.30% và 11.84 %, số SV thường xuyên tập luyện 7 buổi /tuần là 16.02%. Về giới tính, so sánh giữa hai phái nam và nữ cho thấy tỷ lệ số buổi tham gia tập luyện TTGT

Bảng 4. Số buổi tham gia tập luyện TTGT trên tuần của SV trường ĐHLN

Nội dung	Đối tượng	Tổng thể		Nam		Nữ	
		n	%	n	%	n	%
1 buổi		950	36.40	312	23.60	638	49.53
2 buổi		321	12.30	167	12.63	154	11.96
3 buổi		309	11.84	157	11.88	152	11.80
4 buổi		178	6.82	112	8.47	66	5.12
5 buổi		135	5.17	86	6.51	49	3.80
6 buổi		299	11.46	231	17.47	68	5.28
7 buổi		418	16.02	257	19.44	161	12.50
So sánh	χ^2	1185.17		209.49		1381.38	
				245.01			
	p	< 0.001		< 0.001			

Bảng 5. Thực trạng địa điểm tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN

Địa điểm \ Đối tượng		Tổng thể		Nam		Nữ		So sánh	
		n	%	n	%	n	%	χ^2	p
Khu thể thao của trường		1049	40.19	542	41.00	507	39.36	5.06	> 0.05
Khu ký túc xá		363	13.91	164	12.41	199	15.45		
Các nơi khác		1198	45.90	616	46.60	582	45.19		
So sánh	χ^2	455.95		266.67		191.91			
	p	< 0.001		< 0.001		< 0.001			

trong tuần của SV nam và SV nữ là không giống nhau ($X^2_{\text{tính}} > X^2_{\text{bảng}}$ với $p < 0.001$). Số buổi tham gia tập luyện TTGT trong tuần của nam nhiều hơn so với nữ.

2.7. Địa điểm tham gia tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN

Kết quả khảo sát về địa điểm tập luyện TTGT của SV trường ĐHLN được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy địa điểm tập luyện TTGT của SV ở ngoài trường chiếm tỷ lệ cao là 45.90% và trong khu thể thao của trường chiếm 40.19%, còn lại chỉ rất ít SV tham gia tập tại ký túc xá của nhà trường (13.91%). Về giới tính, so sánh giữa nam và nữ cho thấy không có sự khác biệt về địa điểm tập luyện TTGT ($X^2_{\text{tính}} < X^2_{\text{bảng}}$ với $p > 0.05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung, Lê Tấn Đạt (2008), *Giáo trình thể dục thể thao giải trí*. Nxb TDTT Hà Nội.
2. Lê Hoài Nam (2016), *Nghiên cứu đặc điểm và giá trị xã hội của Thể thao giải trí ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
3. Lâm Quang Thành và các cộng sự (2007), *sách chuyên khảo "Tài sản thể dục thể thao – Kinh doanh và quản trị"*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Lâm Quang Thành (2017), *sách chuyên khảo "Quản lý thể dục thể thao – Khoa học và thực tiễn"*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: kết quả nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ "Nghiên cứu xây dựng nội dung hoạt động CLB thể thao giải trí cho SV trường ĐHLN", Viện Khoa học TDTT, năm 2019).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/1/2019; ngày phản biện đánh giá: 22/2/2019; ngày chấp nhận đăng: 6/4/2019)